

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính công bố mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1564/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban

hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1915/QĐ-BKHHCN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính công bố mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng. Cụ thể:

Phụ lục I. Danh mục thủ tục hành chính công bố mới; sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.

Phụ lục II. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Nội dung các bộ phận cơ bản của thủ tục hành chính được công bố không nêu trong Quyết định này, thực hiện theo Quyết định số 1564/QĐ-BKHHCN ngày 21 tháng 7 năm 2023; Quyết định số 1668/QĐ-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2023 và Quyết định số 1915/QĐ-BKHHCN ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TTTT, LĐ TTPVHCC;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Bưu điện tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, TTPVHCC^(A).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Trường Huy

Phụ lục I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI (07 TTHC)

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

STT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.011818)	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng. Địa chỉ: Số 58, Hoàng Đình Giông, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 1564/QĐ-BKHHCN ngày 21/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ	
2	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (1.011820)	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 1564/QĐ-BKHCN ngày 21/07/2023 của

STT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.011819)	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Thông tư số 11/2023/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 3,5 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định 1564/QĐ-BKHCN ngày 21/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011812)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại

STT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						- Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.	Quyết định số 1668/QĐ-BKHCN ngày 01/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.011814)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1668/QĐ-BKHCN ngày 01/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
6	Mua sáng chế, sáng kiến	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn

STT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	(1.011815)	hợp lệ		công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	15 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1668/QĐ-BKHCN ngày 01/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
7	Hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực (1.011816)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ; - Thông tư số 14/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	- Cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1668/QĐ-BKHCN ngày 01/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (07 TTHC)

LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

* Danh mục các TTHC được công bố tại Mục này đã công bố tại Quyết định số 892/QĐ-BKHHCN ngày 13/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002385)	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008. - Nghị định 142/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 02	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý; - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1915/QĐ-BKHHCN ngày 28/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 142/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.</p> <p>- Thông tư số 13/2023/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, liên tịch ban hành.</p>	
2	<p>Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế</p> <p>(2.002380)</p>	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	<p>- Trực tiếp;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.</p>	<p>+ Thiết bị X-quang chụp răng; thiết bị X-quang Chụp vú; thiết bị X-quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị.</p> <p>+ Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường; thiết đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/ 1 thiết bị.</p>	<p>- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.</p> <p>- Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý;</p> <p>- Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.</p> <p>- Thủ tục</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					<ul style="list-style-type: none"> + Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính: 8.000.000 đồng/1 thiết bị. + Thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị. - Lệ phí cấp giấy phép: Không 	<ul style="list-style-type: none"> Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> được công bố tại Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN ngày 28/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
3	<p>Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)</p> <p>(2.002381)</p>	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định An toàn bức xạ: + 75% phí thẩm định cấp giấy phép mới - Lệ phí cấp giấy phép: Không 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008. - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 13/2023/TT-</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý; - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN ngày

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<i>BKHHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>	28/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) (2.002382)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008. - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ . - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 13/2023/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý; - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1915/QĐ-BKHHCN ngày 28/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008.	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002383)	đủ hồ sơ hợp lệ	tỉnh Cao Bằng.	chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		- Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>	- Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN ngày 28/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
6	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ -sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002384)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	Không	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008. - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý; - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>	tại Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN ngày 28/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
7	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế) (2.002379)	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Cao Bằng.	- Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính công ích; - Dịch vụ công trực tuyến toàn trình.	- Phí: Không. - Lệ phí: 200.000 đồng/1 chứng chỉ.	- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008. - Nghị định 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. - Thông tư số 287/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - <i>Thông tư số 13/2023/TT-BKHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.</i>	- Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý; - Đã cắt giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc. - Thủ tục được công bố tại Quyết định số 1915/QĐ-BKHCN ngày 28/08/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ (06 TTHC)
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý bãi bỏ
1	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.004473)	Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	Thông tư số 11/2023/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc hu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Thông tư số 10/2017/TT-BKHHCN ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ
2	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước (1.004460)		
3	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.004467)		
4	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (1.002935)	Quyết định số 2159/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng	Thông tư số 14/2023/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Biểu mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính quy định tại một số điều của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật
5	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ		

TT	Tên thủ tục hành chính (mã TTHC)	Quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý bãi bỏ
	chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (2.001164)		Chuyển giao công nghệ.
6	Mua sáng chế, sáng kiến (2.001148)		

Tổng số danh mục TTHC công bố: 20 TTHC

Trong đó:

- Công bố mới: 07 TTHC;
- Sửa đổi, bổ sung: 07 TTHC;
- Bị bãi bỏ: 06 TTHC

Qua Dịch vụ công trực tuyến toàn trình: 14 TTHC

Tổng số TTHC cắt giảm thời hạn giải quyết: 14 TTHC (cắt giảm mới 07 TTHC)

Phụ lục II

QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CAO BẰNG

(Kèm theo Quyết định số 1212/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

I. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quy trình số: 01

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

- 1. Thủ tục: “Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” (1.011818);*
- 2. Thủ tục: “Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước” (1.011820);*
- 3. Thủ tục “Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương” (1.011819).*

Thời hạn giải quyết: 3,5 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC của Sở KH&CN để thụ lý hồ sơ	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tại Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng xem xét kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	02 ngày làm việc

Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở KH&CN tại TTPVHCC	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Xác nhận trên hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có tại TTPVHCC và thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		3,5 ngày làm việc

Quy trình số: 02

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

1. Thủ tục: “*Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu*” (1.011812);
2. Thủ tục: “*Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu*” (1.011814);
3. Thủ tục: “*Mua sáng chế, sáng kiến*” (1.011815);
4. Thủ tục: “*Hỗ trợ kinh phí hoặc mua công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực*” (1.011816).

Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

TT	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC của Sở KH&CN để thụ lý hồ sơ	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tại Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Thụ lý giải quyết - Nghiên cứu, thẩm định, gửi thông báo cho tổ chức, cá nhân về kết quả xem xét hồ sơ và yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có); - Tham mưu thành lập Hội đồng đánh giá; tổ chức cuộc họp Hội đồng đánh giá và dự thảo văn bản trình UBND tỉnh kết quả giải quyết TTHC (trường hợp không đồng ý nêu rõ lý do).	Công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	10,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, đóng dấu, lưu trữ hồ sơ và chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc

Bước 7	- Thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng duyệt, Lãnh đạo UBND tỉnh phê duyệt công nhận hoặc không công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu. - Chuyển kết quả đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở KH&CN tại TTPVHCC	Chuyên viên phụ trách lĩnh vực, Văn phòng UBND tỉnh	03 ngày làm việc
Bước 8	Xác nhận trên hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có tại TTPVHCC và thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		15 ngày làm việc

II. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

Quy trình số: 03

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

Thủ tục: "Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế" (2.002385);

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC của Sở KH&CN để thụ lý hồ sơ	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tại Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng	Công chức phòng chuyên môn thụ lý	1,75 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	xem xét kết quả giải quyết TTHC	hồ sơ	
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,25 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ và chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở KH&CN	0,25 ngày làm việc
Bước 7	Xác nhận trên hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có tại TTPVHCC và thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		03 ngày làm việc

Quy trình số: 04

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

- 1. Thủ tục: “Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế” (2.002380);**
- 2. Thủ tục: “Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế” (2.002381);**
- 3. Thủ tục: “Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế” (2.002383);**

Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC của Sở KH&CN để thụ lý hồ sơ	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tại Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng xem xét kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	12,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ và chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Xác nhận trên hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có tại TTPVHCC và thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		15 ngày làm việc

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH:

1. Thủ tục: “Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế” (2.002382);
2. Thủ tục “Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế” (2.002384);
3. Thủ tục “Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)” (2.002379).

Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
Bước 1	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, chuyển phòng chuyên môn phụ trách giải quyết TTHC của Sở KH&CN để thụ lý hồ sơ	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) tại Trung tâm phục vụ hành chính công (TTPVHCC)	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Xem xét, phân công công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và trình Lãnh đạo phòng xem xét kết quả giải quyết TTHC	Công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	4,5 ngày làm việc
Bước 4	Xem xét, trình Lãnh đạo Sở phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	0,5 ngày làm việc
Bước 5	Phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 6	Vào sổ văn bản, lưu trữ hồ sơ và chuyển kết quả đến Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn thư Sở KH&CN	0,5 ngày làm việc
Bước 7	Xác nhận trên hệ thống thông tin một cửa điện tử về kết quả đã có tại TTPVHCC và thông báo cho cá nhân, tổ chức đến nhận kết quả	Công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở KH&CN tại TTPVHCC	Không tính thời gian
	Tổng thời gian giải quyết TTHC:		07 ngày làm việc